

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi.

2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 15/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1974; (Có đơn xin xử vắng mặt).

HKTT: Xóm 15 thôn L, T, H, D.

Hiện ở: Đội 5 thôn P, T, H, D.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

HKTT và trú tại: Xóm 15 thôn L, T1, H, D.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1940; (vắng mặt).

- Ông Ngô Bá B, sinh năm 1974; (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn L, xã T1, huyện H, tỉnh D.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; (vắng mặt).

Trú tại: Đội 5, P, T, H, D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn thì:

Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện H, tỉnh D ngày 14/01/1995. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau; ngoài ra còn do anh H là người chơi bời, nghiện ngập. Trước năm 2005 thì anh H chơi lô đề, Từ năm 2005 anh H nghiện ma túy nên làm ra bao nhiêu tiền anh H sử dụng hết vào việc chích hút, khiến kinh tế gia đình kiệt quệ. Từ tháng 7/2017 chị đã bỏ về nhà đẻ ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/02/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2005. Do cháu B đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Hiện nay cháu Dung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu D và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 5000.000đ.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2018, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày việc đăng ký kết hôn như chị N đã khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Chị N khai vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau là không đúng. Việc anh chơi lô đề là có thật, tuy nhiên thỉnh thoảng anh mới chơi cho vui. Năm 2005, bị bạn bè rủ rê nên anh đã sử dụng ma túy là heroin. Chị N và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên anh từ bỏ ma túy nhưng anh không từ bỏ ma túy ngay được vì ma túy rất khó cai. Anh đã 02 lần đi cai nghiện (lần 1 cai nghiện tự nguyện và lần 2 cai nghiện bắt buộc). Khoảng tháng 12/2017 chị N bỏ về nhà đẻ ở từ đó đến nay và anh cũng không hiểu lý do chị N bỏ đi là gì. Anh nghi ngờ chị N có người đàn ông khác. Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh không muốn con có bố mà không có mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, tên tuổi như chị N trình bày. Cháu B đã thành niên, còn cháu D hiện nay đang ở với mẹ. Nếu Tòa xử cho vợ chồng anh ly hôn, anh xin nuôi cháu D và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh xin nuôi con vì anh lo chị N đi lấy chồng khác con anh sẽ khổ; mặt khác chị N có người nhà bên Trung Quốc, nếu chị N đưa cháu D sang đó sinh sống anh sẽ mất con. Hiện nay anh làm thợ cưa xẻ gỗ, thu nhập trung bình một tháng là 12.000.000đ.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng anh không vay nợ ai,

không cho ai vay nợ, không có công sức gì chung đối với hai bên gia đình. Vợ chồng anh tự thỏa thuận về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2018, con chung của chị N và anh H là cháu Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Hiện nay cháu đang sống với mẹ. Khi bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ. Bố cháu nhiều năm nghiện ma túy nên mẹ con cháu rất khổ, kinh tế gia đình khó khăn. Cháu đề nghị Tòa án xử cho mẹ cháu ly hôn với bố cháu để sớm giải thoát cho mẹ cháu.

* Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, đặc biệt là do anh H nghiện ma túy, đã 02 lần phải đi cai nghiện. Từ khoảng tháng 7, tháng 8/2017 chị N đã bỏ về nhà để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu D. Hiện nay thu nhập trung bình 1 ngày của lao động phổ thông tại địa phương là 150.000đ.

* Hàng xóm của chị N, anh H cũng như ý kiến của hai bên gia đình thể hiện: Có việc anh H nghiện ma túy và vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Bố đẻ anh H là ông Nguyễn Văn S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, gia đình ông giữ người ở chứ không giữ người đi nên nếu chị N cứ kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn một phía và đề nghị chị N chăm sóc cho cháu D thật tốt. Mẹ đẻ chị N là bà Nguyễn Thị T trình bày tự nguyện để mẹ con chị N ở nhờ đến bao giờ thì ở và sẽ hỗ trợ chị N chăm sóc, nuôi dạy cháu D.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị N ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng; những người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh D vào ngày 14/01/1995, là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N và đề nghị xin được đoàn tụ của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị N, anh H sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh H nhiều năm nghiện ma túy khiến kinh tế gia đình sa sút. Do vậy mà chị N dần đánh mất niềm tin ở anh và tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà ngày càng phai nhạt. Thực tế từ khoảng tháng 8/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và nay chị N xác định không còn thương yêu, không còn tình cảm gì với anh H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị N ly hôn với anh H để tạo điều kiện cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Chị N, anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/02/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2005. Vì cháu B đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu D, anh H và chị N đều có nguyện vọng xin được nuôi. Tuy nhiên, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, khi Tòa án giao con chung từ đủ 7 tuổi trở lên cần xem xét ý kiến của con chung. Trong vụ án này, cháu D có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Mặt khác, từ nhiều tháng nay cháu vẫn ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu D và để ổn định cuộc sống cũng như việc học tập của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình. Điều 227; Điều 229; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ

phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2005 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000056 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nhung

